

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC  
SOÁT XÉT**

**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47**

*Cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014*

*kèm theo*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**

**CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI**

**THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS**

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82 \* Fax: (84) 4 3974 5083

Email: cpahanoi@fpt.vn \* Website: www.cpahanoi.com

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47**  
Địa chỉ: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định  
Điện thoại: 056 3522166 Fax: 056 3522316

---

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC  
SOÁT XÉT**

**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47**

*Cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014*

*kèm theo*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**

---

Được soát xét bởi:

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI**

Số: 3 ngõ 1295 đường Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: 043 974 50 81/82 Fax: 043 974 50 83

*Hà Nội, tháng 8 năm 2014*

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 056 3522166 Fax: 056 3522316

---

### MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang số</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 04
Báo cáo kết quả công tác soát xét	05
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2014	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 06 tháng đầu năm 2014	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 06 tháng đầu năm 2014	9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng đầu năm 2014	10 - 32
Phụ lục 01 - Tình hình tăng giảm tài sản cố định	33
Phụ lục 02 - Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	34
Phụ lục 03 - Bảng xác định Lợi ích cổ đông thiểu số	35
Phụ lục 04 - Vay ngắn hạn ngân hàng	36 - 37
Phụ lục 05 - Vay dài hạn ngân hàng	38

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng 47 gọi tắt là "Công ty" đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014.

**Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tại thời điểm lập Báo cáo tài chính gồm có:**

### **Hội đồng quản trị:**

- |                       |              |
|-----------------------|--------------|
| • Ông Nguyễn Lương Âm | Chủ tịch     |
| • Ông Nguyễn Văn Tôn  | Phó Chủ tịch |
| • Ông Đinh Tấn Dương  | Ủy viên      |
| • Ông Lê Văn Đồng     | Ủy viên      |
| • Ông Phạm Văn Nho    | Ủy viên      |

### **Ban Tổng Giám đốc:**

- |                        |                   |
|------------------------|-------------------|
| • Ông Nguyễn Lương Âm  | Tổng Giám đốc     |
| • Ông Vũ Xuân Chính    | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Lê Văn Đồng      | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Đinh Tấn Dương   | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Nguyễn Đức Thái  | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Nguyễn Văn Tôn   | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Dương Minh Quang | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Phạm Văn Nho     | Kế toán trưởng    |

### **Kiểm toán viên độc lập**

Báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng đầu năm 2014 của Công ty Cổ phần Xây dựng 47 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

### **Khái quát về công ty**

Công ty Cổ phần Xây dựng 47, gọi tắt là "Công ty", tiền thân là Công ty Xây dựng 47 được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số: 4411/2001/QĐ/BNN-TCCB ngày 08/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp về việc chuyển Công ty Xây dựng 47 thành Công ty Cổ phần Xây dựng 47. Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000064 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 27 tháng 06 năm 2005. Trong quá trình hoạt động, Công ty có 12 lần thay đổi đăng ký kinh doanh, thay đổi lần thứ 12 vào ngày 01/8/2012 với số mới là 4100258747 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Theo đó:

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là: **80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng chẵn).**

Lĩnh vực kinh doanh: Xây dựng các công trình thuỷ lợi, thuỷ điện, giao thông, công nghiệp, dân dụng; Khai thác, vận chuyển vật liệu xây dựng; Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông kết cấu; Đại tu xe, máy thi công; Sản xuất, phục hồi phụ kiện cơ khí. Sản xuất các sản phẩm cơ khí công trình; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, rượu, thuốc lá, dịch vụ massage. Đại lý rượu, bia, nước giải khát; Đại lý dịch vụ internet; Kinh doanh lẻ hàng nội địa và quốc tế; các dịch vụ du lịch khác; Đại lý thu đổi ngoại tệ; Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ; Tổ chức hội nghị hội thảo; Dịch vụ quảng cáo. Đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa; Tư vấn du học. Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng; Cho thuê ô tô; Kinh doanh dịch vụ thể thao, giải trí, trò chơi thể thao trên biển; Hoạt động dạy nghề; Kinh doanh và cho thuê bất động sản; Thi công khoan phụt vữa xử lý nền và thân công trình; Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

Công ty có trụ sở tại: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Đến thời điểm 30/06/2014, cơ cấu Công ty gồm có 02 Công ty con:

Các đơn vị thành viên của Công ty như sau:

Tên	Địa chỉ
Công ty con: Công ty Cổ phần Du lịch Hàm Hồ Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết 76,35%	Tây Phú - Tây Sơn - Bình Định
Công ty con: Công ty CP thủy điện Văn Phong Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết 57,84%	Số 8, đường Biên Cương, P.Ngô Mây, TP.Quy Nhơn tỉnh Bình Định

#### **Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại ngày 30/06/2014, kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn hoạt động kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này từ trang 06 đến trang 37.

#### **Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ và lập Báo cáo tài chính**

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện nào bất thường xảy ra sau ngày 30/06/2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014.

Tại báo cáo này Ban Tổng Giám đốc Công ty xin khẳng định những vấn đề sau đây:

- Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý;

- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các Kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;
- Việc thiết lập và duy trì một hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu lực, để thực thi công việc quản lý là thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc;
- Tài sản mà Công ty đang nắm giữ là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty và không có bất kỳ một sự kiện nào có thể dẫn tới việc tranh chấp các tài sản mà Tập đoàn đang sử dụng;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch dự tính nào có thể làm sai lệch đáng kể số liệu kế toán hoặc cách phân loại tài sản và khoản nợ đã được phản ánh trong Báo cáo tài chính;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch nào nhằm ngừng sản xuất một loại sản phẩm đang được sản xuất, ngừng xây dựng các công trình đang dở dang cũng không có một kế hoạch hay dự tính nào có thể dẫn đến tình trạng hàng tồn kho ứ đọng hoặc lạc hậu và không có bất kỳ khoản hàng tồn kho nào được hạch toán với giá trị cao hơn giá trị thực hiện thuận;
- Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh một cách trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 30/06/2014, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014;
- Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong bản thuyết minh Báo cáo tài chính và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và quy định hiện hành về kế toán có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch kinh doanh của mình trong các năm tài chính tiếp theo.

*Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc*



**NGUYỄN LƯƠNG AM**

**Tổng Giám đốc**

*Quy Nhơn, ngày 15 tháng 7 năm 2014*



Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2014

Số: 408 /CPAHANOI-BCSX

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**  
**VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47**  
**cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/06/2014**

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Xây dựng 47**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng đầu năm 2014 của Công ty cổ phần Xây dựng 47 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2014, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2014 như đã trình bày từ trang 06 đến trang 38.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI**  
**(CPAHANOI)**

**Kiểm toán viên**

**Lê Văn Tuấn**

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề*  
Số: 1695-2013-016-1

**Phó Tổng Giám đốc**



**Lê Văn Dò**

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề*  
Số: 0231-2013-016-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: đồng

TT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>1.437.990.790.698</b>	<b>1.346.326.021.722</b>
<b>I</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>22.734.970.882</b>	<b>120.666.617.250</b>
1	Tiền	111		11.734.970.882	65.666.617.250
2	Các khoản tương đương tiền	112		11.000.000.000	55.000.000.000
<b>II</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>576.081.850.347</b>	<b>706.260.058.703</b>
1	Phải thu khách hàng	131	V.02.1	416.339.825.125	574.768.992.989
2	Trả trước cho người bán	132	V.03	132.003.032.516	104.564.035.472
3	Các khoản phải thu khác	138	V.04	33.328.992.706	32.517.030.242
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139	V.05	(5.590.000.000)	(5.590.000.000)
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>783.010.959.459</b>	<b>509.137.957.431</b>
1	Hàng tồn kho	141	V.06	783.010.959.459	509.137.957.431
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>56.163.010.010</b>	<b>10.261.388.338</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	31.906.638	14.976.850
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.850.893.395	5.322.374.949
3	Thuế và các khoản khác phải thu của Nhà nước	152	V.08	37.166.827	49.002.740
4	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.09	51.243.043.150	4.875.033.799
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>581.827.872.799</b>	<b>542.792.445.858</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>232.001.040</b>	<b>232.001.040</b>
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.02.2	232.001.040	232.001.040
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>539.732.197.454</b>	<b>500.445.275.216</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	434.946.975.921	421.049.910.950
	- Nguyên giá	222		849.959.538.847	805.336.999.627
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(415.012.562.926)	(384.287.088.677)
2	Tài sản cố định vô hình	227	V.11	17.191.731.017	17.221.731.017
	- Nguyên giá	228		17.803.668.290	17.803.668.290
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(611.937.273)	(581.937.273)
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	87.593.490.516	62.173.633.249
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>40.000.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>
1	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
2	Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	40.000.000.000	40.000.000.000
<b>V</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.863.674.305</b>	<b>2.115.169.602</b>
1	Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2	Tài sản dài hạn khác	268	V.14	1.863.674.305	2.115.169.602
<b>VI</b>	<b>Lợi thế thương mại</b>			-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>2.019.818.663.497</b>	<b>1.889.118.467.580</b>

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

TT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ (300=310+320)</b>	<b>300</b>		<b>1.822.992.698.413</b>	<b>1.709.294.047.346</b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.174.120.281.439</b>	<b>1.069.198.380.673</b>
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	536.580.215.004	500.383.508.742
2	Phải trả người bán	312	V.16	256.691.711.026	211.709.339.129
3	Người mua trả tiền trước	313	V.17	237.685.740.621	255.944.446.138
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	2.394.788.690	21.680.217.394
5	Phải trả công nhân viên	315		103.677.713.419	52.949.221.870
6	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.19	36.846.794.845	25.364.981.425
7	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		243.317.834	1.166.665.975
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>648.872.416.974</b>	<b>640.095.666.673</b>
1	Vay và nợ dài hạn	334	V.20	648.872.416.974	640.095.666.673
<b>B</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420)</b>	<b>400</b>	<b>V.21</b>	<b>172.434.049.477</b>	<b>160.006.883.137</b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>172.434.049.477</b>	<b>160.006.883.137</b>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		23.467.650.000	23.467.650.000
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413		10.449.146.977	10.449.146.977
4	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
5	Quỹ đầu tư phát triển	417		22.414.583.606	22.414.583.606
6	Quỹ dự phòng tài chính	418		7.307.559.247	7.307.559.247
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		166.556.608	135.355.090
8	Lợi nhuận chưa phân phối	420		28.628.553.039	16.232.588.217
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>C</b>	<b>LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>24.391.915.607</b>	<b>19.817.537.097</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>2.019.818.663.497</b>	<b>1.889.118.467.580</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	Ngoại tệ các loại (USD)	005		3.886,22	3.884,28

Người lập



Lương Đăng Hào

Kế toán trưởng



Phạm Văn Nho

Quy Nhơn ngày 15 tháng 07 năm 2014



Tổng Giám đốc



Nguyễn Lương Am

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2014

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	V.22	260.762.897.454	296.921.998.195	488.805.595.064	578.358.590.263
2	Các khoản giảm trừ	3	V.23	26.352.023	25.404.545	48.117.758	33.677.412
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.24	260.736.545.431	296.896.593.650	488.757.477.306	578.324.912.851
4	Giá vốn hàng bán	11	V.25	218.472.555.656	256.994.630.967	403.767.713.298	496.919.802.986
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		42.263.989.775	39.901.962.683	84.989.764.008	81.405.109.865
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.26	675.098.021	1.144.835.854	3.002.962.750	3.609.832.141
7	Chi phí tài chính	22	V.27	24.651.704.766	29.613.582.894	52.806.767.342	51.763.572.895
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		24.627.951.486	24.639.047.777	49.518.196.557	43.297.789.098
8	Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.28	10.065.872.731	3.394.577.226	19.525.951.241	17.063.549.708
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.221.510.299	8.038.638.417	15.660.008.175	16.187.819.403
11	Thu nhập khác	31	V.29	17.690.068	269.090.780	17.690.068	269.090.780
12	Chi phí khác	32	V.30	59.690.068	-	59.690.068	109.158.000
13	Lợi nhuận khác	40		(42.000.000)	269.090.780	(42.000.000)	159.932.780
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.179.510.299	8.307.729.197	15.618.008.175	16.347.752.183
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.31	1.797.122.255	2.077.324.451	3.083.166.468	4.006.416.658
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.382.388.044	6.230.404.746	12.534.841.707	12.341.335.525
19	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		6.916.188	877.094	50.323.416	105.403.518
20	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		6.375.471.856	6.229.527.652	12.484.518.291	12.235.932.007
21	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		797	779	1.561	1.529

Người lập

Kế toán trưởng

Lương Đăng Hào

Phạm Văn Nho

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

Quy Nhơn, ngày 05 tháng 07 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

TP. QUY NHƠN

NGUYỄN LƯƠNG AM

TỔNG GIÁM ĐỐC

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu năm 2014

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	628.318.824.344	508.866.597.474
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(492.170.470.616)	(540.620.808.846)
3	Tiền chi trả cho người lao động	3	(120.287.635.890)	(109.033.457.085)
4	Tiền chi trả lãi vay	4	(49.518.196.557)	(43.297.789.098)
5	Tiền chi nộp thuế	5	(4.688.370.085)	(4.531.005.049)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	12.763.779.289	19.330.442.780
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(19.079.149.098)	(29.835.241.505)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(44.661.218.613)</b>	<b>(199.121.261.329)</b>
<b>II</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(105.458.121.586)	(32.896.527.375)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(8.186.000.000)
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.180.862.953	3.573.417.675
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(102.277.258.633)</b>	<b>(37.509.109.700)</b>
<b>III</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	4.216.000.000	130.000.000
2	Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của doanh nghiệp đó phát hành	32	-	-
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	461.985.488.007	427.004.428.893
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(417.195.531.444)	(289.414.702.982)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(16.000.000.000)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>49.005.956.563</b>	<b>121.719.725.911</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(97.932.520.683)</b>	<b>(114.910.645.118)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>120.666.617.250</b>	<b>196.900.661.170</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	874.315	1.204.042
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>22.734.970.882</b>	<b>81.991.220.094</b>

Người lập

Lương Đăng Hào

Kế toán trưởng

Phạm Văn Nho

Quy Nhơn, ngày 15 tháng 07 năm 2014

Tổng Giám đốc



Nguyễn Lương Am

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu

Công ty Cổ phần Xây dựng 47, gọi tắt là “Công ty”, tiền thân là Công ty Xây dựng 47 được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số: 4411/2001/QĐ/BNN-TCCB ngày 08/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp về việc chuyển Công ty Xây dựng 47 thành Công ty Cổ phần Xây dựng 47. Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000064 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 27 tháng 06 năm 2005. Trong quá trình hoạt động, Công ty có 12 lần thay đổi đăng ký kinh doanh, thay đổi lần thứ 12 vào ngày 01/8/2012 với số mới là 4100258747 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Theo đó:

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là: **80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng chẵn).**

Công ty có trụ sở tại: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

#### 2. Lĩnh vực hoạt động của Công ty:

Lĩnh vực kinh doanh: Xây dựng các công trình thuỷ lợi, thuỷ điện, giao thông, công nghiệp, dân dụng; Khai thác, vận chuyển vật liệu xây dựng; Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông kết cấu; Đại tu xe, máy thi công; Sản xuất, phục hồi phụ kiện cơ khí. Sản xuất các sản phẩm cơ khí công trình; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, rượu, thuốc lá, dịch vụ massage. Đại lý rượu, bia, nước giải khát; Đại lý dịch vụ internet; Kinh doanh lẻ hàng nội địa và quốc tế; các dịch vụ du lịch khác; Đại lý thu đổi ngoại tệ; Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ; Tổ chức hội nghị hội thảo; Dịch vụ quảng cáo. Đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa; Tư vấn du học. Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng; Cho thuê ô tô; Kinh doanh dịch vụ thể thao, giải trí, trò chơi thể thao trên biển; Hoạt động dạy nghề; Kinh doanh và cho thuê bất động sản; Thi công khoan phụt vữa xử lý nền và thân công trình; Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

#### 3. Danh sách công ty con được hợp nhất:

Tên	Địa chỉ
Công ty con: Công ty Cổ phần Du lịch Hầm Hồ (1) Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết 76,35%	Tây Phú - Tây Sơn - Bình Định
Công ty con: Công ty CP thủy điện Văn Phong (2) Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết 57,84%	Số 8, đường Biên Cương, P.Ngô Máy, TP.Quy Nhơn tỉnh Bình Định

(1) Công ty Cổ phần du lịch Hầm Hồ được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5303000040 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 08 tháng 01 năm 2004, và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 26 tháng 6 năm 2009. Theo đó vốn điều lệ đăng ký kinh doanh là :8.000.000.000 đồng

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Việt Nam. Hoạt động chính theo Giấy phép hoạt động của Công ty là đầu tư, xây dựng, quản lý, khai thác các khu du lịch, kinh doanh dịch vụ lữ hành, khách sạn, nhà hàng... và các hoạt động vui chơi giải trí khác.

Công ty có trụ sở tại Thôn Phú Mỹ, xã Tây Phú, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

Đến thời điểm 30/6/2014, Công ty đang hoàn tất thủ tục tăng vốn điều lệ từ 8 tỷ đồng lên 10 tỷ đồng theo Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần du lịch Hầm Hồ ngày 17 tháng 10 năm 2012.

(2) Công ty Cổ phần thủy điện Văn Phong được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4101309994 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 03 tháng 02 năm 2012. Đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 28 tháng 02 năm 2014. Theo đó vốn điều lệ đăng ký kinh doanh là :52.000.000.000 đồng Việt Nam. Hoạt động chính theo Giấy phép hoạt động của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện (Chi tiết : Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện và sản xuất kinh doanh điện). Công ty hiện đang trong giai đoạn đầu tư Công ty có trụ sở tại số 08, đường Biên Cương, phường Ngô Máy, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

## **II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đây là Báo cáo tài chính giữa niên độ nên niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 đến 30/06.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam

## **III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2009 sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán.

### **2. Hình thức sổ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng hình thức Sổ kế toán trên máy vi tính. Đến thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính, Công ty đã in đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

### **3. Chuẩn mực kế toán áp dụng:**

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Xây dựng 47 tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã ban hành phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các Chính sách kế toán chủ yếu mà Công ty đã áp dụng để ghi sổ và lập Báo cáo tài chính.

### **1. Ước tính kế toán:**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo

cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

## **2. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính:**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty do Công ty Cổ phần Xây dựng 47 kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 năm 2014. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty Cổ phần Xây dựng 47 có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty Cổ phần Xây dựng 47 và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

## **3. Trình tự và phương pháp hợp nhất:**

Hợp cộng các chỉ tiêu trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty mẹ và công ty con;

Loại trừ toàn bộ giá trị ghi sổ khoản đầu tư của công ty mẹ trong từng công ty con và phần vốn của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con và ghi nhận lợi thế thương mại (nếu có);

Phân bổ lợi thế thương mại;

Tách và trình bày lợi ích của cổ đông thiểu số thành chỉ tiêu riêng biệt;

Loại trừ toàn bộ các giao dịch nội bộ trong toàn Tổng công ty;

Lập bảng tổng hợp các bút toán điều chỉnh và bảng tổng hợp các chỉ tiêu hợp nhất;

Lập Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ vào bảng tổng hợp các chỉ tiêu hợp nhất sau khi đã được điều chỉnh và loại trừ.

*Đối với các chỉ tiêu về tài sản, nguồn vốn, doanh thu và chi phí được trình bày như đã trình bày ở báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và công ty con có điều chỉnh những yếu tố sau khi hợp nhất:*

Doanh thu, giá vốn, lãi và công nợ nội bộ;

Vốn đầu tư của công ty mẹ tương ứng phần vốn chủ sở hữu công ty con;

Lợi ích cổ đông thiểu số;

Các chỉ tiêu khác theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền:**

- *Nguyên tắc xác định các khoản tiền:* Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

- *Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:* Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

**2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế kh"ng được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm. Các chi phí sản xuất chung được phân bổ trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh để sản xuất hàng tồn kho cho từng bộ phận, từng công trình.

Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá theo phương pháp chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp.

**2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

**2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cho hầu hết hàng tồn kho, duy nhất áp dụng kiểm kê định kỳ đối với nguyên liệu, công cụ tại bộ phận dịch vụ khách sạn.

**6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác**

- *Nguyên tắc ghi nhận*

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.
- **Lập dự phòng phải thu khó đòi**  
Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

#### 7. Ghi nhận TSCĐ và khấu hao tài sản cố định

##### - Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, trong quá trình sử dụng tài sản cố định được ghi nhận theo ba tiêu thức nguyên giá, hao mòn và giá trị còn lại. Nguyên giá của TSCĐ được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

##### - Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Khấu hao TSCĐ hữu hình được thực hiện theo phương pháp đường thẳng, căn cứ theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính và nguyên giá của tài sản. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Mức khấu hao cụ thể như sau:

Loại TSCĐ	Thời gian sử dụng
- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50 năm
- Máy móc thiết bị	08 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Phần mềm	03 - 08 năm

#### 8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư, hoặc ngày mua cổ phiếu, trái phiếu.

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.



#### **9. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

- Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc việc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.
- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất sản phẩm dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.
- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh.
- Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời, các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay khi phát sinh vốn hóa.
- Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

#### **10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### **11. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

#### **12. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ và các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **13. Các nghĩa vụ về thuế**

Công ty áp dụng Chính sách thuế theo quy định của các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### **14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Vốn đầu tư của Chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Vốn khác của chủ sở hữu là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm các năm trước và khoản khác được hình thành từ lợi nhuận sau thuế và được sử dụng vào việc khen thưởng hoặc các mục đích khác phục vụ công tác điều hành của Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị.

**15. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

Các quỹ của Công ty được trích lập theo quyết định tại Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

**16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

**- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu từng lần hoặc theo phiếu giá thanh toán, quyết toán của từng hạng mục công việc hoàn thành hoặc toàn bộ công trình xây lắp, hoá đơn tài chính, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán số 15 - Hợp đồng xây dựng.

**- Doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ;
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.  
Doanh thu từ dịch vụ vận tải được xác định theo hợp đồng kinh tế, biên bản xác nhận dịch vụ hoàn thành, phát hành hoá đơn tài chính và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

**- Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia, chênh lệch tỷ giá thực hiện và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên cơ sở chênh lệch giữa giá bán và giá mua. Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**17. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hoạt động xây lắp được xác định đối với từng hợp đồng, công trình xây dựng riêng biệt và tương ứng với doanh thu trong kỳ, chi phí của từng hợp đồng, công trình đã được ghi nhận. Cụ thể :

- Đối với các công trình cuối kỳ đã hoàn thành, bàn giao, doanh thu lũy kế đã hạch toán hết theo tổng giá trị nghiệm thu thanh toán thì giá vốn kết chuyển trong kỳ bằng toàn bộ chi phí lũy kế đã được ghi nhận (không còn chi phí dở dang).
- Đối với các công trình cuối kỳ chưa hoàn thành hoặc hoàn thành nhưng chưa có quyết toán, thanh lý hợp đồng thì giá vốn trong kỳ được xác định trên cơ sở chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ + chi phí sản xuất kinh doanh dở dang phát sinh trong kỳ - chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ được xác định căn cứ vào biên bản xác nhận dở dang của các đội với phòng kỹ thuật Công ty.
- Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất kho.

**18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí hợp đồng xây dựng, Trích lập dự phòng bảo hành công trình xây lắp:**

Chi phí của hợp đồng xây dựng gồm: Chi phí trực tiếp liên quan đến từng hợp đồng, chi phí chung được phân bổ cho các hợp đồng có liên quan và các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng xây lắp.

- Phương pháp lập chi phí bảo hành: Doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất trích bảo hành công trình xây lắp đã tiêu thụ trong năm và tiến hành lập dự phòng bảo hành công trình xây lắp có cam kết bảo hành.

Tổng mức trích lập dự phòng bảo hành của các công trình xây lắp theo quy định đã cam kết với khách hàng chiếm 2% trên tổng giá trị công trình.

**19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

**Chi phí tài chính:** Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
  - Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;
- Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:** là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

**20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.**

**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:** thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**21. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính:** Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

**Các bên liên quan:** Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2014**  
 (tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Đơn vị tính: đồng)**

1. Tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Tiền mặt VND</b>	<b>7.008.086.412</b>	<b>4.284.447.087</b>
Cty CP Xây Dựng 47	6.459.731.335	3.990.822.982
Cty CP Du Lịch Hầm Hồ	203.810.902	238.106.298
Cty CP Thủy điện Văn Phong	344.544.175	55.517.807
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>4.726.884.470</b>	<b>61.382.170.163</b>
<b>Tiền Việt Nam</b>	<b>4.644.107.984</b>	<b>61.300.308.962</b>
Cty CP Xây Dựng 47	1.298.060.173	59.474.212.585
- Ngân hàng BIDV Việt Nam - CN Bình Định	581.930.083	59.373.676.427
- Ngân hàng Vietcombank Quy Nhơn	714.180.090	98.586.158
- Ngân hàng TMCP Công thương	1.950.000	1.950.000
Cty CP Du Lịch Hầm Hồ	1.433.488.316	760.479.053
- Ngân hàng BIDV Việt Nam - CN Bình Định	1.884.018	1.473.040
- Ngân hàng NN PTNT Tây Sơn	1.431.604.298	759.006.013
Cty CP Thủy điện Văn Phong	1.912.559.495	1.065.617.324
- Ngân hàng BIDV Việt Nam - CN Bình Định	1.912.559.495	1.065.617.324
<b>Ngoại tệ (USD)</b>	<b>82.776.486</b>	<b>81.861.201</b>
Cty CP Xây Dựng 47	82.776.486	81.861.201
- Ngân hàng BIDV - CN Bình Định ( USD)	82.776.486	81.861.201
<b>Cộng</b>	<b>11.734.970.882</b>	<b>65.666.617.250</b>
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tiền gửi có kỳ hạn NH BIDV Việt Nam - CN Bình Định	11.000.000.000	55.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>11.000.000.000</b>	<b>55.000.000.000</b>
<b>2. Các khoản phải thu của khách hàng</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>2.1. Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>416.339.825.125</b>	<b>574.768.992.989</b>
Văn phòng công ty	413.108.392.190	567.951.614.249
Khách sạn Hải Âu	973.059.935	3.758.262.740
Công trường Bình Đề	2.233.179.000	3.036.194.000
Trung tâm dạy nghề	18.300.000	18.300.000
Cty CP Du Lịch Hầm Hồ	6.894.000	4.622.000
Cty CP Thủy điện Văn Phong	-	-
<b>2.2. Phải thu khách hàng dài hạn</b>	<b>232.001.040</b>	<b>232.001.040</b>
Văn phòng công ty	232.001.040	232.001.040
<b>Cộng</b>	<b>416.571.826.165</b>	<b>575.000.994.029</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2014**

(tiếp theo)

3. Trả trước cho người bán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cty CP Xây Dựng 47	72.055.498.453	77.399.496.403
Cty CP Du Lịch Hầm Hồ	21.860.128	17.242.211
Cty CP Thủy điện Văn Phong	59.925.673.935	27.147.296.858
<b>Cộng</b>	<b>132.003.032.516</b>	<b>104.564.035.472</b>
4. Các khoản phải thu khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Cty CP Xây Dựng 47</i>	<i>32.126.525.692</i>	<i>31.366.043.482</i>
Văn phòng công ty	30.717.779.399	27.868.569.789
Công trường Bình Đê	49.860.000	26.040.000
Công trường Tân Mỹ	40.502.869	125.741.469
Công trường Tà Rục	1.286.686.000	585.910.000
Công trường Tiên Thuận	26.583.424	52.800.588
Xây dựng Trụ sở Công ty	-	2.690.955.636
Khách sạn Hải Âu (Dự Nợ TK 338)	5.114.000	16.026.000
<i>Cty CP Du Lịch Hầm Hồ</i>	<i>1.202.467.014</i>	<i>1.150.986.760</i>
<b>Cộng</b>	<b>33.328.992.706</b>	<b>32.517.030.242</b>
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH CAVICO Việt Nam (Tạm ứng KLCT Tả Trạch)	(5.590.000.000)	(5.590.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>(5.590.000.000)</b>	<b>(5.590.000.000)</b>
6. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Công ty cp Xây dựng 47</i>	<i>782.884.362.065</i>	<i>509.011.586.864</i>
Nguyên liệu, vật liệu	84.955.163.079	82.832.179.881
Công cụ, dụng cụ	239.089.065	141.439.809
Chi phí SX, KD dở dang	697.273.692.421	425.500.000.000
Hàng hóa	416.417.500	537.967.174
<i>Cty CP Du Lịch Hầm Hồ</i>	<i>126.597.394</i>	<i>126.370.567</i>
Nguyên liệu, vật liệu	39.044.778	19.942.978
Công cụ, dụng cụ	7.108.937	4.689.032
Hàng hóa	80.443.679	101.738.557
<b>Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>783.010.959.459</b>	<b>509.137.957.431</b>
7. Chi phí trả trước ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cp Xây dựng 47	30.717.600	14.976.850
Cty CP Du Lịch Hầm Hồ	1.189.038	-
<b>Cộng</b>	<b>31.906.638</b>	<b>14.976.850</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2014**  
 (tiếp theo)

8. Thuế và các khoản khác phải thu của Nhà nước	Số cuối kỳ	Số đầu năm	
Công ty cp Xây dựng 47			
- Các loại thuế khác phải thu Nhà nước	37.166.827	37.166.827	
Cty CP Du Lịch Hầm Hồ	-	11.835.913	
<b>Cộng</b>	<b>37.166.827</b>	<b>49.002.740</b>	
9. Tài sản ngắn hạn khác <tạm ứng>	Số cuối kỳ	Số đầu năm	
Công ty cp Xây dựng 47	51.085.336.481	4.633.229.805	
Cty CP Du Lịch Hầm Hồ	-	-	
Cty CP Thủy điện Văn Phong	157.706.669	241.803.994	
<b>Cộng</b>	<b>51.243.043.150</b>	<b>4.875.033.799</b>	
10. Tài sản cố định hữu hình <Chi tiết tại phụ lục số 01>			
11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>			
<i>Số dư tại ngày 01/01/2014</i>	17.056.731.017	746.937.273	17.803.668.290
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
<i>Số dư tại ngày 30/06/2014</i>	17.056.731.017	746.937.273	17.803.668.290
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
<i>Số dư tại ngày 01/01/2014</i>	-	581.937.273	581.937.273
Khấu hao trong kỳ	-	30.000.000	30.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	-
<i>Số dư tại ngày 30/06/2014</i>	-	611.937.273	611.937.273
<b>Giá trị còn lại</b>			
<i>Số dư tại ngày 01/01/2014</i>	17.056.731.017	165.000.000	17.221.731.017
<i>Số dư tại ngày 30/06/2014</i>	17.056.731.017	135.000.000	17.191.731.017

*Quyền sử dụng đất diện tích 488,5 m2 tại địa chỉ 4/7 đường số 3, KP5, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh của công ty cp Xây dựng 47 không xác định thời hạn nên không trích khấu hao.*

*Quyền sử dụng đất tại Tây Phú, Sơn Tây của Công ty cp Du lịch Hầm Hồ không xác định thời hạn nên không trích khấu hao.*

12. Chi phí XDCB dở dang	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Xây dựng cơ bản</b>		
Công ty cp Xây dựng 47	45.692.396.889	31.367.428.912
- Trụ sở công ty (Số 8 Biên Cương)	17.087.992.712	11.559.116.813
- Kho xưởng Phước An	21.846.041.833	15.756.414.988
- Khu du lịch Định Bình	4.160.921.156	4.019.532.659
- Dự án 105 Tây Sơn	2.597.441.188	32.364.452
Cty CP Thủy điện Văn Phong	41.901.093.627	30.806.204.337
<b>Cộng</b>	<b>87.593.490.516</b>	<b>62.173.633.249</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2014

(tiếp theo)

13. Đầu tư dài hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP Thủy điện Buôn Đôn <8% vốn điều lệ>	26.800.000.000	26.800.000.000
Công ty CP Thủy điện Định Bình <16,04% vốn điều lệ>	13.200.000.000	13.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>
14. Tài sản dài hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Ký cược, ký quỹ dài hạn</b>	<b>1.863.674.305</b>	<b>2.115.169.602</b>
<i>Công ty cp Xây dựng 47</i>	<i>1.441.920.631</i>	<i>1.452.784.252</i>
Ký quỹ XNK lao động	1.005.562.587	1.016.426.208
Ký quỹ môi trường	436.358.044	436.358.044
<i>Cty CP Du Lịch Hầm Hồ</i>	<i>421.753.674</i>	<i>662.385.350</i>
<b>Cộng</b>	<b>1.863.674.305</b>	<b>2.115.169.602</b>
15. Vay và nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cp Xây dựng 47	536.580.215.004	500.383.508.742
- Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - CN Bình Định (*)	535.994.175.798	499.973.969.536
- Vay các đối tượng khác	586.039.206	409.539.206
<b>Cộng</b>	<b>536.580.215.004</b>	<b>500.383.508.742</b>
(* Chi tiết các khoản vay Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - CN Bình Định xem thêm tại Phụ lục số 04)		
16. Phải trả người bán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Công ty cp Xây dựng 47</i>	<i>250.904.415.921</i>	<i>210.868.246.623</i>
Văn phòng Cty	241.306.103.061	199.861.131.151
Khách sạn Hải Âu	1.206.951.523	2.204.279.013
Công trường Bình Đê	242.460.000	184.275.000
Công trường Serepok 4A	729.559.820	729.559.820
Công trường Trung Sơn	7.392.381.117	614.481.639
Công trường Thượng Kon Tum	-	7.274.520.000
Xây dựng Trụ sở Công ty	26.960.400	-
<i>Cty CP Du Lịch Hầm Hồ</i>	<i>85.829.163</i>	<i>207.699.478</i>
Cty CP Thủy điện Văn Phong	5.701.465.942	633.393.028
<b>Cộng</b>	<b>256.691.711.026</b>	<b>211.709.339.129</b>
17. Người mua trả tiền trước	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Công ty cp Xây dựng 47</i>	<i>237.684.403.621</i>	<i>255.944.446.138</i>
Công ty xây dựng thủy lợi 24	127.880.000	127.880.000
Công trình Hà Nhe	1.240.000	1.240.000
Công trình Hồ Định Bình	2.264.889.000	2.064.945.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2014**

(tiếp theo)

Công trình Sông Trâu	96.088.205	96.088.205
Công trình NMTD Định Bình	-	821.721.000
Công trình Trà Co	-	727.754.700
Công trình Dương Thiện	2.822.000	2.822.000
Công trình Trung Sơn	198.012.065.600	218.089.398.266
Công trình Trung tâm Hội nghị	6.228.334.673	5.228.334.673
Công trình A Roàng	4.200.398.000	4.542.286.000
Công trình Sông Bung 2	9.409.698.143	6.900.988.294
Công trình Sông Chu	17.340.988.000	17.340.988.000
<i>Cty CP Du Lịch Hàm Hồ</i>	<i>1.337.000</i>	-
<b>Cộng</b>	<b>237.685.740.621</b>	<b>255.944.446.138</b>
<b>18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<i>Công ty cp Xây dựng 47</i>	<i>2.302.247.286</i>	<i>21.678.166.021</i>
Thuế GTGT	-	17.755.913.515
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.295.913.718	3.913.141.315
Thuế tiêu thụ đặc biệt	6.333.568	9.111.191
<i>Cty CP Du Lịch Hàm Hồ</i>	<i>92.541.404</i>	<i>285.232</i>
Thuế GTGT	92.541.404	285.232
<i>Cty CP Thủy điện Văn Phong</i>	-	<i>1.766.141</i>
Thuế TNCN	-	1.766.141
<b>Cộng</b>	<b>2.394.788.690</b>	<b>21.680.217.394</b>
<b>19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<i>Công ty cp Xây dựng 47</i>	<i>35.751.781.491</i>	<i>24.947.703.819</i>
Tài sản thừa chờ xử lý	35.195.079	-
Kinh phí công đoàn	3.036.483.727	2.415.367.727
Bảo hiểm xã hội	2.075.650.534	-
Bảo hiểm y tế	373.482.673	-
Bảo hiểm thất nghiệp	145.498.071	-
Phải trả về cổ phần hóa	130.705.324	530.346.824
Phải trả khác	29.954.766.083	22.001.989.268
- Văn phòng cty	24.496.606.248	4.127.886.900
<i>Xây dựng xưởng Phước An</i>	<i>67.973.220</i>	<i>109.760.456</i>
<i>Khách sạn Hải Âu</i>	<i>1.337.870.752</i>	<i>463.934.356</i>
<i>Công trường Sêrêpok 4A</i>	<i>75.000</i>	-
<i>Công trường Tiên Thuận</i>	<i>2.192.600</i>	<i>2.192.600</i>
- Văn phòng cty (Dự Có TK 1388)	4.050.048.263	17.298.214.956
<i>Cty CP Du Lịch Hàm Hồ</i>	<i>94.360.800</i>	<i>57.277.606</i>
<i>Cty CP Thủy điện Văn Phong</i>	<i>1.000.652.554</i>	<i>360.000.000</i>
<b>Cộng</b>	<b>36.846.794.845</b>	<b>25.364.981.425</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2014**

(tiếp theo)

20. Vay và nợ dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay dài hạn</i>	<b>398.872.416.974</b>	<b>390.095.666.673</b>
<b>Công ty cp Xây dựng 47</b>	<b>351.226.680.826</b>	<b>373.783.205.670</b>
Ngân hàng BIDV - CN Bình Định (VND)	351.226.680.826	373.087.730.670
Ngân hàng BIDV - CN Bình Định (USD)	-	695.475.000
<b>Cty CP Du Lịch Hàm Hô</b>	<b>1.043.032.000</b>	<b>1.303.032.000</b>
Ngân hàng BIDV - CN Bình Định (VND)	1.043.032.000	1.303.032.000
<b>Cty CP Thủy điện Văn Phong</b>	<b>46.602.704.148</b>	<b>15.009.429.003</b>
Ngân hàng BIDV - CN Bình Định (VND)	46.602.704.148	15.009.429.003
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>250.000.000.000</b>	<b>250.000.000.000</b>
Công ty CP thủy điện Trung Sơn	250.000.000.000	250.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>648.872.416.974</b>	<b>640.095.666.673</b>

(Chi tiết các khoản vay dài hạn của Công ty cp xây dựng 47 xem thêm tại Phụ lục số 05)

**21. Vốn chủ sở hữu**

**21.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu <Chi tiết tại phụ lục số 02>**

**21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của Nhà nước - TCT ĐT&KD vốn NN	-	20.764.270.000
Vốn góp của các cổ đông khác	80.000.000.000	59.235.730.000
<b>Cộng</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>

**21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:**

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	80.000.000.000	80.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	16.000.000.000	16.000.000.000

Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty ngày 20/04/2014 thì phương thức chi trả cổ tức sẽ thực hiện chi trả bằng cổ phiếu.

**21.4 Cổ phiếu**

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng:	8.000.000	8.000.000
Cổ phiếu phổ thông:	8.000.000	8.000.000
Cổ phiếu ưu đãi:	-	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2014**  
 (tiếp theo)

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	8.000.000	8.000.000
Cổ phiếu phổ thông:	8.000.000	8.000.000
Cổ phiếu ưu đãi:	-	-
<b>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phiếu</b>		

<b>21.5 Các quỹ của doanh nghiệp</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</b>
Quỹ đầu tư phát triển	22.414.583.606	22.414.583.606
Quỹ dự phòng tài chính	7.307.559.247	7.307.559.247
<b>Cộng</b>	<b>29.722.142.853</b>	<b>29.722.142.853</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

*Đơn vị tính: đồng*

<b>22. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</b>
<b>Công ty cổ phần xây dựng 47</b>	<b>486.012.330.003</b>	<b>576.152.210.403</b>
Doanh thu bán hàng	3.245.421.230	1.450.381.786
Doanh thu thi công xây lắp chính	423.787.849.345	532.315.549.463
Dịch vụ khách sạn du lịch	33.661.871.557	33.141.106.985
Doanh thu nhượng bán vật tư	24.476.693.325	7.875.674.129
Doanh thu cho thuê tài sản	-	16.363.636
Doanh thu khác	840.494.546	1.353.134.404
<b>Công ty cổ phần Du lịch Hầm Hồ</b>	<b>2.793.265.061</b>	<b>2.206.379.860</b>
<b>Cộng</b>	<b>488.805.595.064</b>	<b>578.358.590.263</b>
<b>23. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</b>
Thuế tiêu thụ đặc biệt của khách sạn Hải Âu	48.117.758	33.677.412
<b>Cộng</b>	<b>48.117.758</b>	<b>33.677.412</b>
<b>24. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</b>
<b>Công ty cổ phần xây dựng 47</b>	<b>485.964.212.245</b>	<b>576.118.532.991</b>
Doanh thu bán hàng	3.245.421.230	1.450.381.786
Doanh thu thi công xây lắp chính	423.787.849.345	532.315.549.463
Dịch vụ khách sạn du lịch	33.613.753.799	33.107.429.573
Doanh thu nhượng bán vật tư	24.476.693.325	7.875.674.129
Doanh thu cho thuê tài sản	-	16.363.636
Doanh thu khác	840.494.546	1.353.134.404
<b>Công ty cổ phần Du lịch Hầm Hồ</b>	<b>2.793.265.061</b>	<b>2.206.379.860</b>
<b>Cộng</b>	<b>488.757.477.306</b>	<b>578.324.912.851</b>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2014

(tiếp theo)

## 25. Giá vốn bán hàng

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
<b>Công ty Cổ phần Xây dựng 47</b>	<b>401.865.551.817</b>	<b>495.768.623.570</b>
Giá vốn hàng bán	2.838.844.374	1.517.640.719
Giá vốn thi công xây lắp chính	347.808.166.689	458.806.844.772
Giá vốn Dịch vụ khách sạn du lịch	28.909.885.225	28.283.140.337
Giá vốn nhượng bán vật tư	22.294.036.892	7.148.743.933
Giá vốn cho thuê tài sản	-	-
Giá vốn thu khác	14.618.637	12.253.809
<b>Công ty Cổ phần Du lịch Hàm Hô</b>	<b>1.902.161.481</b>	<b>1.151.179.416</b>
<b>Cộng</b>	<b>403.767.713.298</b>	<b>496.919.802.986</b>

## 26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
<b>Công ty Cổ phần Xây dựng 47</b>	<b>2.981.958.631</b>	<b>3.574.621.717</b>
Lãi góp vốn từ Cty CP Thủy điện Định Bình (8%)	1.452.000.000	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.529.084.316	3.573.417.675
Chênh lệch tỷ giá	874.315	1.204.042
<b>Công ty Cổ phần Du lịch Hàm Hô</b>	<b>21.004.119</b>	<b>35.210.424</b>
<b>Cộng</b>	<b>3.002.962.750</b>	<b>3.609.832.141</b>

## 27. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
<b>Công ty Cổ phần Xây dựng 47</b>	<b>52.737.842.501</b>	<b>51.663.375.770</b>
Chi phí lãi vay	49.449.271.716	43.197.591.973
Phí bảo lãnh thực hiện các công trình	3.288.570.785	8.427.753.797
Chênh lệch tỷ giá	-	38.030.000
<b>Công ty Cổ phần Du lịch Hàm Hô</b>	<b>68.924.841</b>	<b>100.197.125</b>
<b>Cộng</b>	<b>52.806.767.342</b>	<b>51.763.572.895</b>

## 28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
<b>Công ty cổ phần xây dựng 47</b>	<b>18.912.805.142</b>	<b>16.541.006.947</b>
Chi phí nhân viên quản lý	4.566.532.000	4.025.755.000
Chi phí vật liệu quản lý	2.069.662.068	1.062.411.750
Chi phí đồ dùng văn phòng	44.226.361	320.184.789
Chi phí khấu hao TSCĐ	97.400.000	97.400.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2014**  
 (tiếp theo)

Thuế, phí, lệ phí	78.394.226	1.125.811.490
Chi phí dự phòng	-	5.590.000.000
Chi phí bằng tiền khác	12.056.590.487	4.319.443.918
<b>Công ty cổ phần Du lịch Hầm Hồ</b>	<b>613.146.099</b>	<b>522.542.761</b>
<b>Cộng</b>	<b>19.525.951.241</b>	<b>17.063.549.708</b>
<b>29. Thu nhập khác</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</b>
Công ty cổ phần xây dựng 47	17.690.068	269.090.780
Thu tiền bảo hiểm xe	17.690.068	64.065.780
Thu nhập khác	-	205.025.000
<b>Cộng</b>	<b>17.690.068</b>	<b>269.090.780</b>
<b>30. Chi phí khác</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</b>
Chi phí sửa xe tai nạn	59.690.068	109.158.000
<b>Cộng</b>	<b>59.690.068</b>	<b>109.158.000</b>
<b>31. Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</b>
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	3.083.166.468	4.006.416.658
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ này.	-	-
<b>32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</b>
Chi phí nguyên vật liệu	154.223.154.029	218.805.565.084
Chi phí nhân công trực tiếp	134.331.302.025	122.221.485.871
Chi phí máy thi công	142.044.924.933	131.527.004.024
Chi phí khấu hao TSCĐ	33.350.817.000	22.553.600.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	151.115.425.124	121.067.354.209
Chi phí khác	73.134.398.214	34.588.906.756
<b>Cộng</b>	<b>688.200.021.325</b>	<b>650.763.915.944</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐƠN VỊ TÍNH: ĐỒNG)**

	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014</b>
* Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác (MS01)	628.318.824.344
Thu nợ cũ	59.113.080.383
Thu tiền bán hàng trong năm	569.205.743.961

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2014**  
 (tiếp theo)

<b>* Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ (MS02)</b>	<b>492.170.470.616</b>
Trả cho người cung cấp hàng hóa	456.955.715.758
Trả cho người cung cấp dịch vụ	35.214.754.858
<b>* Tiền chi trả lãi vay (MS04)</b>	<b>49.518.196.557</b>
Tổng lãi vay phải trả	49.518.196.557
Trong đó: Lãi vay trong kỳ	49.518.196.557
Lãi vay được vốn hóa	-
Số đã trả	49.518.196.557
Số còn phải trả	-
<b>* Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác (MS21)</b>	<b>105.458.121.586</b>
Chi mua kỳ trước	-
Chi mua kỳ này	105.458.121.586
Chi mua kỳ sau	-
<b>* Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được (MS33)</b>	<b>461.985.488.007</b>
Tiền vay ngắn hạn	405.821.712.862
Tiền vay dài hạn	56.163.775.145
<b>* Tiền chi trả nợ gốc vay (MS34)</b>	<b>417.195.531.444</b>
Trả vay ngắn hạn	370.068.506.600
Trả vay dài hạn	47.127.024.844
<b>* Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu (MS36)</b>	<b>-</b>
Phân phối trong năm	-
Cổ tức cho cổ đông Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	16.000.000.000

**VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin về các bên liên quan:**

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần Du lịch Hầm Hồ	Công ty con
Công ty cổ phần Thủy điện Văn Phong	Công ty con

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ không có các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan.

Các giao dịch về vốn của Công ty với các bên liên quan trong kỳ:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền <đồng>
Công ty cổ phần Thủy điện Văn Phong	Góp vốn bằng tiền đợt 4	1.640.000.000
Cổ tức và lợi nhuận được chia		<u>Năm này</u>
Công ty cổ phần Du lịch Hầm Hồ	Trả cổ tức bằng tiền	180.724.540

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2014**  
 (tiếp theo)

**Thu nhập các thành viên quản lý chủ chốt**

Họ và tên	Chức danh	Thu nhập	Ghi chú
Nguyễn Lương Am	CT HĐQT - Tổng Giám đốc	264.667.000	
Lê Văn Đồng	TV HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	207.740.000	
Phạm Văn Nho	TV HĐQT - Kế toán trưởng	138.494.000	
Đinh Tuấn Dương	TV HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	204.143.000	
Nguyễn Văn Tồn	PCT HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	206.034.000	
Huỳnh Khế	Trưởng ban kiểm soát	123.482.000	
Dương Minh Quang	Phó Tổng Giám đốc	167.368.000	
Vũ Xuân Chính	Phó Tổng Giám đốc	154.807.000	
Nguyễn Đức Thái	Phó Tổng Giám đốc	139.238.000	
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.605.973.000</b>	

**2. Thông tin bộ phận**

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

**\* Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Thi công xây lắp chính
- Dịch vụ khách sạn du lịch
- Nhượng bán vật tư, khai thác đá
- Hoạt động khác bao gồm: Cho thuê tài sản, thí nghiệm, xây lắp phụ, trung tâm dạy nghề, xuất khẩu lao động.

Thông tin về kết quả kinh doanh theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Thi công xây Lắp chính	Dịch vụ KS du lịch	Các lĩnh vực khác	Tổng cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	423.787.849.345	36.455.136.618	28.562.609.101	<b>488.805.595.064</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	48.117.758	-	<b>48.117.758</b>
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>423.787.849.345</b>	<b>36.407.018.860</b>	<b>28.562.609.101</b>	<b>488.757.477.306</b>
Kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận	75.979.682.656	5.594.972.154	3.415.109.198	84.989.764.008
Các khoản chi phí không phân bổ theo bộ phận				(19.525.951.241)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				65.463.812.767
Doanh thu hoạt động tài chính				3.002.962.750

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2014**  
 (tiếp theo)

Chi phí tài chính	(52.806.767.342)
Thu nhập khác	17.690.068
Chi phí khác	(59.690.068)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(3.083.166.468)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>12.534.841.707</b>

\* **Khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam

**3. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu cùng kỳ năm 2013 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán Hà Nội - CPAHANOI. Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán Hà Nội - CPAHANOI.

**4. Thông tin về hoạt động liên tục**

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ hoạt động tiếp theo.

**5. Những thông tin khác**

**5.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014</u>	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013</u>
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.484.518.291	12.235.932.007
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
Lãi trên cổ phiếu	1.561	1.529

**5.2 Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối).

**Các loại công cụ tài chính**

**Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.734.970.882	120.666.617.250
Phải thu khách hàng và phải thu khác	444.078.817.831	607.286.023.231
Tài sản tài chính khác	40.000.000.000	40.000.000.000

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)*



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2014**  
(tiếp theo)

**Công cụ tài chính**

Vay ngắn hạn, dài hạn	935.452.631.978	1.140.479.175.415
Phải trả khách hàng và phải trả khác	293.538.505.871	237.074.320.554
Công nợ tài chính khác	250.000.000.000	250.000.000.000

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

***Rủi ro thị trường***

Quản lý rủi ro tỷ giá: rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro tỷ giá do việc mua bán hàng hóa dịch vụ được thực hiện bằng tiền Việt Nam đồng.

***Quản lý rủi ro về lãi suất***

Rủi ro về lãi suất là rủi ro về giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro về lãi suất là của công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay. Công ty không có bất kỳ rủi ro lãi suất trọng yếu nào vì Công ty chỉ quan hệ giao dịch truyền thống lâu năm với Ngân hàng BIDV chi nhánh Bình Định và được ngân hàng ưu đãi với mức lãi suất thấp nhất, có lợi nhất cho công ty.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi các khoản phải thu chủ yếu từ khách hàng là Ban quản lý dự án thuộc Ngân sách Nhà nước.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền và các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phát sinh và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận. Công nợ tài chính được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu và ngày đáo hạn hợp đồng theo ngày sớm nhất mà công ty phải trả:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm
Vay ngắn hạn	536.580.215.004	-
Phải trả khách hàng và phải trả khác	293.538.505.871	-
Vay dài hạn	-	398.872.416.974
Công nợ khác	-	250.000.000.000

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2014**

(tiếp theo)

**Tài sản đảm bảo:**

Trong kỳ Công ty có dùng một số tài sản để thế chấp vay vốn ngân hàng, cụ thể:

- Các khoản vay ngân hàng BIDV - chi nhánh Bình Định ngắn hạn, dài hạn để sử dụng vào việc mua máy móc thiết bị phục vụ thi công và bổ sung vốn lưu động để thực hiện sản xuất kinh doanh. Các khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay, TSCĐ hoặc các khoản phải thu khách hàng tương ứng với số dư nợ tại thời điểm vay.

**5.3 Một số chỉ tiêu tài chính**

Chỉ tiêu	ĐVT	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
<b>1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn</b>			
<b>1.1. Bố trí cơ cấu tài sản</b>			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	71,19	72,26
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	28,81	27,74
<b>1.2. Bố trí cơ cấu vốn</b>			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	90,26	89,07
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	8,54	10,78
<b>2. Khả năng thanh toán</b>			
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát	lần	1,11	1,12
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,22	1,07
2.3. Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,02	0,03
<b>3. Tỷ suất sinh lời</b>			
<b>3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</b>			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	3,20	3,27
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	2,55	2,51
<b>3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</b>			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	0,77	1,17
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	0,62	0,90
<b>3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn CSH</b>	%	15,61	15,29

**5.4 Thông tin khác**

Quyết toán thuế của công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định của thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kiểm toán cho các giao dịch tại đơn vị có thể được giải thích theo cách khác nhau. Vì vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể được thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Quy Nhơn, ngày 15 tháng 07 năm 2014

Công ty Cổ phần Xây dựng 47

Tổng Giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng



Lương Đăng Hào



Phạm Văn Nho



Nguyễn Lương Am

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47**

Địa chỉ: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 056 3522166 Fax: 056 3522316

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn hoạt động  
từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

**Phụ lục số 01: Tình hình tăng giảm TSCĐ hữu hình hợp nhất**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	TSCĐ khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ</b>						
1. Số dư tại ngày 01/01/2014	79.519.791.167	503.135.568.247	206.887.562.313	12.223.709.943	3.570.367.957	805.336.999.627
2. Số tăng trong kỳ	-	43.409.157.727	3.663.405.456	654.545.455	-	47.727.108.638
- Mua sắm mới	-	43.409.157.727	3.663.405.456	654.545.455	-	47.727.108.638
- Xây dựng mới	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	3.104.569.418	-	-	-	-	3.104.569.418
- Thanh lý	3.104.569.418	-	-	-	-	3.104.569.418
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư tại ngày 30/06/2014	76.415.221.749	546.544.725.974	210.550.967.769	12.878.255.398	3.570.367.957	849.959.538.847
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư tại ngày 01/01/2014	16.827.642.559	257.849.279.018	101.240.134.003	7.413.610.097	956.423.000	384.287.088.677
2. KẾ: hao trong kỳ	943.597.000	22.797.258.000	9.364.242.000	561.098.000	163.848.667	33.830.043.667
- Trích trong kỳ	943.597.000	22.797.258.000	9.364.242.000	561.098.000	163.848.667	33.830.043.667
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	3.104.569.418	-	-	-	-	3.104.569.418
- Thanh lý	3.104.569.418	-	-	-	-	3.104.569.418
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư tại ngày 30/06/2014	14.666.670.141	280.646.537.018	110.604.376.003	7.974.708.097	1.120.271.667	415.012.562.926
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày 01/01/2014	62.692.148.608	245.286.289.229	105.647.428.310	4.810.099.846	2.613.944.957	421.049.910.950
2. Tại ngày 30/06/2014	61.748.551.608	265.898.188.956	99.946.591.766	4.903.547.301	2.450.096.290	434.946.975.921

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố các khoản vay

471.027.193.060 đồng

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

113.378.336.590 đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47**

Địa chỉ: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định  
Điện thoại: 056 3522166 Fax: 056 3522316

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn hoạt động  
từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

**Phụ lục số 02: Tình hình tăng giảm Vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác thuộc CSH	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Năm trước</b>									
<b>1. Số dư đầu năm</b>	80.000.000.000	23.467.650.000	10.449.146.977	525.283	18.992.768.338	6.228.569.510	89.358.729	16.290.408.435	155.518.427.272
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	21.654.861.103	21.654.861.103
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	3.421.815.268	1.078.989.737	-	-	4.500.805.005
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	45.996.361	-	45.996.361
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	16.000.000.000	16.000.000.000
- Giảm khác:	-	-	-	525.283	-	-	-	5.712.681.321	5.713.206.604
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	-	3.421.815.268	3.421.815.268
+ Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	-	-	1.078.989.737	1.078.989.737
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	1.078.989.736	1.078.989.736
+ Giảm khác	-	-	-	-	22.414.583.606	7.307.559.247	135.355.090	132.886.580	132.886.580
<b>2. Số dư cuối năm</b>	80.000.000.000	23.467.650.000	10.449.146.977	-	22.414.583.606	7.307.559.247	135.355.090	16.232.588.217	160.006.883.137
<b>Kỳ này</b>									
<b>1. Số dư ngày 01/01/2014</b>	80.000.000.000	23.467.650.000	10.449.146.977	-	22.414.583.606	7.307.559.247	135.355.090	16.232.588.217	160.006.883.137
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	12.534.841.707	12.534.841.707
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	31.201.518	-	31.201.518
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác:	-	-	-	-	-	-	-	138.876.885	138.876.885
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	-	-	-
+ Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-
+ Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	138.876.885	138.876.885
<b>2. Số dư ngày 30/6/2014</b>	80.000.000.000	23.467.650.000	10.449.146.977	-	22.414.583.606	7.307.559.247	166.556.608	28.628.553.039	172.434.049.477

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47**

Địa chỉ: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định  
Điện thoại: 056 3522166 Fax: 056 3522316

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn hoạt động  
từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

**Phụ lục số 03: Bảng xác định lợi ích của cổ đông thiểu số**

TT	Chỉ tiêu	Vốn chủ sở hữu	Công ty Cổ phần XD 47	Lợi ích của cổ đông thiểu số
1	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	62.000.000.000	37.710.000.000	24.290.000.000
2	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu	218.148.799	166.556.608	51.592.191
3	Lợi nhuận chưa phân phối	212.784.002	162.460.586	50.323.416
	<b>Cộng</b>	<b>62.436.523.384</b>	<b>38.043.241.438</b>	<b>24.391.915.607</b>

**Phụ lục số 04: Bảng kê chi tiết vay ngắn hạn Ngân hàng BIDV Bình Định của Công ty cp Xây dựng 47**

*Đơn vị tính: đồng*

Số khế ước	Số tiền	Lãi suất	Ngày Vay	Ngày trả
58082000475623	4.968.156.818	9,50%	10/24/2013	9/24/2014
58082000475632	3.531.143.874	9,50%	10/24/2013	9/24/2014
58082000475650	6.334.725.738	9,50%	10/24/2013	9/24/2014
58082000475669	4.188.880.472	9,50%	10/24/2013	9/24/2014
58082000482544	7.319.788.101	9,50%	12/4/2013	11/4/2014
58082000483291	7.941.643.145	9,50%	12/9/2013	11/10/2014
58082000483307	8.981.937.136	9,50%	12/9/2013	11/10/2014
58082000483404	5.544.414.381	9,50%	12/9/2013	11/10/2014
58082000484780	5.405.145.753	9,50%	12/16/2013	11/17/2014
58082000485181	9.993.363.878	9,50%	12/18/2013	11/18/2014
58082000486218	8.371.055.000	9,50%	12/23/2013	11/24/2014
58082000486227	9.840.089.126	9,50%	12/23/2013	11/24/2014
58082000486236	7.572.282.000	9,50%	12/23/2013	11/24/2014
58082000486519	9.295.499.609	9,50%	12/24/2013	11/24/2014
58082000486546	9.550.944.643	9,50%	12/24/2013	11/24/2014
58082000486555	9.643.824.350	9,50%	12/24/2013	11/24/2014
58082000487123	10.165.707.292	9,50%	12/27/2013	11/27/2014
58082000487178	4.796.745.644	9,50%	12/27/2013	11/27/2014
58082000488816	10.725.656.900	9,50%	1/6/2014	12/8/2014
58082000488834	6.952.949.419	9,50%	1/6/2014	12/8/2014
58082000488843	7.300.000.000	9,50%	1/6/2014	12/8/2014
58082000488852	7.667.111.675	9,50%	1/6/2014	12/8/2014
58082000489183	9.820.353.778	9,50%	1/8/2014	12/8/2014
58082000489208	5.000.000.000	9,50%	1/8/2014	12/8/2014
58082000489217	8.950.333.123	9,50%	1/8/2014	12/8/2014
58082000489475	8.333.883.995	9,50%	1/9/2014	12/9/2014
58082000489998	6.712.084.338	9,50%	1/13/2014	12/15/2014
58082000490015	7.287.597.701	9,50%	1/13/2014	12/15/2014
58082000490787	7.433.348.736	9,50%	1/17/2014	12/17/2014
58082000490796	10.100.000.000	9,50%	1/17/2014	12/17/2014
58082000490802	7.000.000.000	9,50%	1/17/2014	12/17/2014
58082000490811	9.846.280.283	9,50%	1/17/2014	12/17/2014
58082000491160	8.529.565.517	9,50%	1/20/2014	12/22/2014
58082000491179	8.327.691.536	9,50%	1/20/2014	12/22/2014
58082000491188	8.288.840.120	9,50%	1/20/2014	12/22/2014
58082000492428	7.363.666.750	9,50%	1/24/2014	12/24/2014
58082000492729	11.936.682.200	9,50%	1/25/2014	12/25/2014
58082000492738	11.094.873.355	9,50%	1/25/2014	12/25/2014
58082000494080	5.462.061.868	9,50%	2/17/2014	1/19/2015
58082000494099	1.901.121.447	9,50%	2/17/2014	1/19/2015
58082000494859	6.959.715.620	9,50%	2/24/2014	1/26/2015

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47**

Địa chỉ: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định  
 Điện thoại: 056 3522166 Fax: 056 3522316

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn hoạt động  
 từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

**Phụ lục số 04: Bảng kê chi tiết vay ngắn hạn Ngân hàng BIDV Bình Định của Công ty cp Xây dựng 47**

Đơn vị tính: đồng

Số kế ước	Số tiền	Lãi suất	Ngày Vay	Ngày trả
58082000499191	8.580.169.361	9,50%	3/18/2014	2/24/2015
58082000499207	4.300.000.000	9,50%	3/18/2014	2/24/2015
58082000499234	4.461.163.506	9,50%	3/18/2014	2/24/2015
58082000499872	8.480.000.000	9,50%	3/21/2014	2/24/2015
58082000499906	6.989.418.405	9,50%	3/21/2014	2/24/2015
58082000499933	7.793.691.724	9,50%	3/21/2014	2/24/2015
58082000500464	4.286.976.426	9,50%	3/25/2014	2/25/2015
58082000500473	8.000.000.000	9,50%	3/25/2014	2/25/2015
58082000501281	3.685.628.001	9,50%	3/27/2014	2/27/2015
58082000501801	6.159.004.046	9,50%	3/31/2014	2/27/2015
58082000502044	400.000.000	9,50%	4/1/2014	3/2/2015
58082000502585	6.128.729.680	9,50%	4/3/2014	3/3/2015
58082000502594	6.368.776.927	9,50%	4/3/2014	3/3/2015
58082000502600	5.800.000.000	9,50%	4/3/2014	3/3/2015
58082000502947	5.723.861.223	9,50%	4/7/2014	3/9/2015
58082000503180	800.000.000	9,50%	4/7/2014	3/9/2015
58082000504387	1.200.000.000	9,50%	4/15/2014	3/16/2015
58082000504721	4.432.312.862	9,50%	4/16/2014	3/16/2015
58082000506550	9.999.553.423	9,50%	4/25/2014	3/25/2015
58082000507128	4.544.783.883	9,50%	4/29/2014	3/30/2015
58082000507137	5.385.414.600	9,50%	4/29/2014	3/30/2015
58082000507289	5.742.000.000	9,50%	4/29/2014	3/30/2015
58082000507827	2.020.190.000	9,50%	5/6/2014	4/6/2015
58082000508051	5.302.727.037	9,50%	5/6/2014	4/6/2015
58082000508167	9.259.640.511	9,50%	5/7/2014	4/7/2015
58082000508307	10.085.923.608	9,50%	5/8/2014	4/8/2015
58082000509133	11.317.729.080	9,50%	5/13/2014	4/13/2015
58082000510773	2.356.971.048	9,50%	5/21/2014	4/21/2015
58082000510782	7.005.852.613	9,50%	5/21/2014	4/21/2015
58082000511022	7.076.833.799	9,50%	5/22/2014	4/22/2015
58082000511031	3.318.304.520	9,50%	5/22/2014	4/22/2015
58082000511998	3.118.121.785	9,50%	5/29/2014	4/29/2015
58082000512672	1.495.721.508	9,50%	6/3/2014	5/4/2015
58082000513295	8.215.845.799	9,50%	6/6/2014	5/6/2015
58082000513301	6.000.000.000	9,50%	6/6/2014	5/6/2015
58082000513435	6.000.000.000	9,50%	6/9/2014	5/11/2015
58082000513444	4.000.000.000	9,50%	6/9/2014	5/11/2015
58082000513745	6.802.557.326	9,50%	6/10/2014	5/11/2015
58082000513781	6.917.107.776	9,50%	6/10/2014	5/11/2015
<b>Tổng cộng</b>	<b>535.994.175.798</b>			

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

Phụ lục số 05: Bảng kê chi tiết các khoản vay dài hạn Ngân hàng BIDV Bình Định của Công ty cổ phần Xây dựng 47

VAY DÀI HẠN VND

Ngày Vay	Số khế ước	Lãi suất	Số tiền	Ngày trả	Ghi chú
1/13/2010	58082000238969	12%/năm	4.291.338.100	1/13/2015	Mua sắm thiết bị máy móc phục vụ thi công
3/4/2011	58082000304444	12%/năm	43.326.416.660	9/4/2016	Mua sắm thiết bị máy móc phục vụ thi công
9/25/2012	58082000407422	12%/năm	7.300.000.000	1/25/2016	Mua sắm thiết bị máy móc phục vụ thi công
4/5/2013	58082000439647	12%/năm	116.308.926.066	4/5/2018	Mua sắm thiết bị máy móc phục vụ thi công
11/19/2013	58082000479980	12%/năm	180.000.000.000	11/19/2018	Mua sắm thiết bị máy móc phục vụ thi công
	<b>Tổng cộng</b>		<b>351.226.680.826</b>		